

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẮM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 146 /TTMS-NVĐT

Hà Nội, ngày 06 tháng 06 năm 2018

V/v hướng dẫn bổ sung tổng hợp nhu cầu
thuốc đấu thầu tập trung cấp quốc gia 2018.

KHẨN

Kính gửi: - Sở Y tế các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương
- Các Bệnh viện/viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, Bộ trưởng Bộ Y tế đã có Quyết định số 2710/QĐ-BYT về việc ban hành Danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp Quốc gia năm 2018 do Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia thực hiện.

Ngày 22 tháng 05 năm 2018 Trung tâm Mua sắm Tập trung thuốc Quốc gia (Trung tâm) có công văn số 106/TTMS-NVĐT của về việc hướng dẫn xây dựng, tổng hợp nhu cầu thuốc đấu thầu tập trung cấp Quốc gia năm 2018. Tiếp theo công văn số 106/TTMS-NVĐT nêu trên, Trung tâm hướng dẫn bổ sung như sau:

1. Về danh mục đề xuất nhu cầu sử dụng thuốc thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp quốc gia:

- Bổ sung thêm 08 khoản mục phân nhóm thuốc đấu thầu tập trung cấp Quốc gia bao gồm: mã thuốc, tên hoạt chất, dạng bào chế, nồng độ, hàm lượng đường dùng, phân nhóm (Phụ lục 1 đính kèm).

Sau khi bổ sung, danh mục phân nhóm thuốc đấu thầu tập trung cấp Quốc gia có tổng số 188 danh mục thuốc (Phụ lục 2 đính kèm).

- Trường hợp các cơ sở y tế có nhu cầu bổ sung các nhóm khác đối với từng hoạt chất thì nhu cầu thêm này được lập thành biểu mẫu riêng theo form của biểu mẫu 01 (trong công văn 106/TTMS-NVĐT) và thuyết minh lý do đề xuất.

2. Về phần mềm tổng hợp nhu cầu thuốc:

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổng hợp nhu cầu sử dụng thuốc tại các đơn vị, Trung tâm đã triển khai hệ thống dự trữ thuốc tại website: www.ttdtqg.vietpoint.vn. Theo đó, các cơ sở y tế sẽ sử dụng tài khoản được cấp để đăng nhập vào hệ thống, xây dựng dự trữ thuốc, in báo cáo và gửi báo cáo đến đơn vị đầu mối tổng hợp nhu cầu một cách nhanh chóng và hiệu quả, cụ thể:

a. Đối với các bệnh viện/viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế:

- Xây dựng dự trữ thuốc trên hệ thống;
- Nộp báo cáo điện tử trên hệ thống về Trung tâm;
- In báo cáo từ hệ thống, ký, đóng dấu và gửi về Trung tâm kèm theo các tài liệu liên quan đã được hướng dẫn tại công văn 106/TTMS-NVĐT.

b. Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Cấp tài khoản cho các cơ sở Y tế trên địa bàn và Y tế các bộ ngành;

- Hướng dẫn các cơ sở y tế trên địa bàn và Y tế các bộ ngành đăng nhập vào hệ thống để xây dựng dự trữ thuốc và nộp báo cáo về Sở Y tế;
- Tổ chức thẩm định số lượng đề xuất của các cơ sở y tế;
- In báo cáo, ký, đóng dấu và gửi về Trung tâm kèm theo các tài liệu liên quan đã được hướng dẫn tại công văn 106/TTMS-NVĐT.

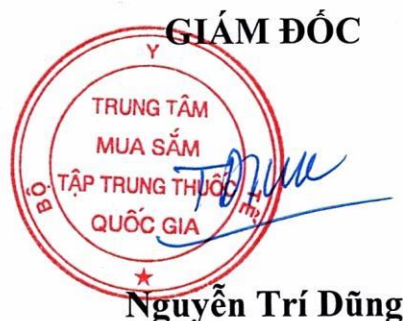
(Hướng dẫn sử dụng chi tiết tại phụ lục 3 kèm theo)

Đề nghị Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các bệnh viện/viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế triển khai thực hiện. Báo cáo xin gửi về Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia trước ngày **18/6/2018**, địa chỉ: 138A Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội, file điện tử xin gửi đồng thời về email: tms@moh.gov.vn và trungtammstt@gmail.com. Chi tiết xin liên hệ: CN. Ngô Quốc Huy – ĐT: 0168.454.8386.

Xin trân trọng cảm ơn. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (Đề báo cáo);
- TT Phạm Lê Tuấn (Đề báo cáo);
- Vụ/Cục: KHTC, Quản lý Dược,
Truyền thông thi đua và khen thưởng (Đề báo cáo);
- Các PGĐ Trung tâm (để phối hợp);
- Lưu: VT, NVĐT.



PHỤ LỤC 1

**BỔ SUNG DANH MỤC PHÂN NHÓM THUỐC ĐẦU THẦU TẬP TRUNG
CẤP QUỐC GIA NĂM 2018**

(Kèm theo công văn số 146/TTMS-NVĐT ngày 06 tháng 06 năm 2018)

STT theo QĐ 2710/QĐ -BYT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Dạng bào chế	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Phân nhóm
1	L01XC07.01.N3	Bevacizumab	Thuốc tiêm	100mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 3
1	L01XC07.02.N3	Bevacizumab	Thuốc tiêm	400mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 3
15	L01XC02.01.N3	Rituximab	Thuốc tiêm	100mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 3
15	L01XC02.02.N3	Rituximab	Thuốc tiêm	500mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 3
18	L01XC03.01.N2	Trastuzumab	Thuốc tiêm	150mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 2
18	L01XC03.01.N3	Trastuzumab	Thuốc tiêm	150mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 3
18	L01XC03.02.N2	Trastuzumab	Thuốc tiêm	440mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 2
18	L01XC03.02.N3	Trastuzumab	Thuốc tiêm	440mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 3

ĐMM

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC THUỐC ĐẦU THẦU TẬP TRUNG CẤP QUỐC GIA NĂM 2018
(Sau khi đã bổ sung 08 khoản mục)

(Kèm theo công văn số 46/TTMS-NVĐT ngày 06 tháng 06 năm 2018)

STT	STT theo QĐ 2710	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Dạng bào chế	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Nhóm TCKT	ĐVT
1	1	L01XC07.01.BD	Bevacizumab	Thuốc tiêm	100mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Biệt dược	Chai/Lọ/Ống
2	1	L01XC07.01.N3	Bevacizumab	Thuốc tiêm	100mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 3	Chai/Lọ/Ống
3	1	L01XC07.01.N5	Bevacizumab	Thuốc tiêm	100mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 5	Chai/Lọ/Ống
4	1	L01XC07.02.BD	Bevacizumab	Thuốc tiêm	400mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Biệt dược	Chai/Lọ/Ống
5	1	L01XC07.02.N3	Bevacizumab	Thuốc tiêm	400mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 3	Chai/Lọ/Ống
6	1	L01XC07.02.N5	Bevacizumab	Thuốc tiêm	400mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 5	Chai/Lọ/Ống
7	2	L01XX32.01.BD	Bortezomib	Thuốc tiêm	1mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Biệt dược	Chai/Lọ/Ống
8	2	L01XX32.02.N5	Bortezomib	Thuốc tiêm	2mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 5	Chai/Lọ/Ống
9	2	L01XX32.03.BD	Bortezomib	Thuốc tiêm	3,5mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Biệt dược	Chai/Lọ/Ống
10	2	L01XX32.03.N1	Bortezomib	Thuốc tiêm	3,5mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 1	Chai/Lọ/Ống
11	2	L01XX32.03.N2	Bortezomib	Thuốc tiêm	3,5mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 2	Chai/Lọ/Ống
12	2	L01XX32.03.N5	Bortezomib	Thuốc tiêm	3,5mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 5	Chai/Lọ/Ống
13	3	L01DB01.01.N1	Doxorubicin	Thuốc tiêm	10mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 1	Chai/Lọ/Ống
14	3	L01DB01.01.N2	Doxorubicin	Thuốc tiêm	10mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 2	Chai/Lọ/Ống
15	3	L01DB01.01.N3	Doxorubicin	Thuốc tiêm	10mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 3	Chai/Lọ/Ống
16	3	L01DB01.01.N5	Doxorubicin	Thuốc tiêm	10mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 5	Chai/Lọ/Ống
17	3	L01DB01.02.N2	Doxorubicin	Thuốc tiêm	20mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 2	Chai/Lọ/Ống
18	3	L01DB01.02.N5	Doxorubicin	Thuốc tiêm dạng liposome	20mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 5	Chai/Lọ/Ống
19	3	L01DB01.03.N1	Doxorubicin	Thuốc tiêm	50mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 1	Chai/Lọ/Ống
20	3	L01DB01.03.N2	Doxorubicin	Thuốc tiêm	50mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 2	Chai/Lọ/Ống
21	3	L01DB01.03.N3	Doxorubicin	Thuốc tiêm	50mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 3	Chai/Lọ/Ống
22	3	L01DB01.03.N5	Doxorubicin	Thuốc tiêm	50mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 5	Chai/Lọ/Ống
23	4	L01DB03.01.BD	Epirubicin	Thuốc tiêm	10mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Biệt dược	Chai/Lọ/Ống

24	4	L01DB03.01.N1	Epirubicin	Thuốc tiêm	10mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 1	Chai/Lọ/Ống
25	4	L01DB03.01.N3	Epirubicin	Thuốc tiêm	10mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 3	Chai/Lọ/Ống
26	4	L01DB03.01.N5	Epirubicin	Thuốc tiêm	10mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 5	Chai/Lọ/Ống
27	4	L01DB03.02.BD	Epirubicin	Thuốc tiêm	50mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Biệt dược	Chai/Lọ/Ống
28	4	L01DB03.02.N1	Epirubicin	Thuốc tiêm	50mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 1	Chai/Lọ/Ống
29	4	L01DB03.02.N3	Epirubicin	Thuốc tiêm	50mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 3	Chai/Lọ/Ống
30	4	L01DB03.02.N5	Epirubicin	Thuốc tiêm	50mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 5	Chai/Lọ/Ống
31	5	L01XE03.01.BD	Erlotinib	Viên	100mg	Uống	Biệt dược	Viên
32	5	L01XE03.01.N1	Erlotinib	Viên	100mg	Uống	Nhóm 1	Viên
33	5	L01XE03.01.N2	Erlotinib	Viên	100mg	Uống	Nhóm 2	Viên
34	5	L01XE03.01.N3	Erlotinib	Viên	100mg	Uống	Nhóm 3	Viên
35	5	L01XE03.02.BD	Erlotinib	Viên	150mg	Uống	Biệt dược	Viên
36	5	L01XE03.02.N1	Erlotinib	Viên	150mg	Uống	Nhóm 1	Viên
37	5	L01XE03.02.N2	Erlotinib	Viên	150mg	Uống	Nhóm 2	Viên
38	5	L01XE03.02.N3	Erlotinib	Viên	150mg	Uống	Nhóm 3	Viên
39	6	L03AA02.01.BD	Filgrastim	Thuốc tiêm	30MU	Tiêm	Biệt dược	Chai/Lọ/Ống
40	6	L03AA02.01.N1	Filgrastim	Thuốc tiêm	30MU	Tiêm	Nhóm 1	Chai/Lọ/Ống
41	6	L03AA02.01.N2	Filgrastim	Thuốc tiêm	30MU	Tiêm	Nhóm 2	Chai/Lọ/Ống
42	6	L03AA02.01.N3	Filgrastim	Thuốc tiêm	30MU	Tiêm	Nhóm 3	Chai/Lọ/Ống
43	6	L03AA02.01.N5	Filgrastim	Thuốc tiêm	30MU	Tiêm	Nhóm 5	Chai/Lọ/Ống
44	7	L01XE02.01.BD	Gefitinib	Viên	250mg	Uống	Biệt dược	Viên
45	7	L01XE02.01.N3	Gefitinib	Viên	250mg	Uống	Nhóm 3	Viên
46	8	L01BC05.01.BD	Gemcitabin	Thuốc tiêm	200mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Biệt dược	Chai/Lọ/Ống
47	8	L01BC05.01.N1	Gemcitabin	Thuốc tiêm	200mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 1	Chai/Lọ/Ống
48	8	L01BC05.01.N2	Gemcitabin	Thuốc tiêm	200mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 2	Chai/Lọ/Ống
49	8	L01BC05.01.N3	Gemcitabin	Thuốc tiêm	200mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 3	Chai/Lọ/Ống
50	8	L01BC05.01.N5	Gemcitabin	Thuốc tiêm	200mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 5	Chai/Lọ/Ống
51	8	L01BC05.02.BD	Gemcitabin	Thuốc tiêm	1000mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Biệt dược	Chai/Lọ/Ống
52	8	L01BC05.02.N1	Gemcitabin	Thuốc tiêm	1000mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 1	Chai/Lọ/Ống
53	8	L01BC05.02.N2	Gemcitabin	Thuốc tiêm	1000mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 2	Chai/Lọ/Ống
54	8	L01BC05.02.N3	Gemcitabin	Thuốc tiêm	1000mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 3	Chai/Lọ/Ống
55	8	L01BC05.02.N5	Gemcitabin	Thuốc tiêm	1000mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 5	Chai/Lọ/Ống
56	9	L01XE01.01.BD	Imatinib	Viên	100mg	Uống	Biệt dược	Viên
57	9	L01XE01.01.N1	Imatinib	Viên	100mg	Uống	Nhóm 1	Viên
58	9	L01XE01.01.N2	Imatinib	Viên	100mg	Uống	Nhóm 2	Viên
59	9	L01XE01.01.N3	Imatinib	Viên	100mg	Uống	Nhóm 3	Viên
60	10	L01XX19.01.BD	Irinotecan	Thuốc tiêm	40mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Biệt dược	Chai/Lọ/Ống
61	10	L01XX19.01.N1	Irinotecan	Thuốc tiêm	40mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 1	Chai/Lọ/Ống

62	10	L01XX19.01.N2	Irinotecan	Thuốc tiêm	40mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 2	Chai/Lọ/Ống
63	10	L01XX19.01.N3	Irinotecan	Thuốc tiêm	40mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 3	Chai/Lọ/Ống
64	10	L01XX19.01.N5	Irinotecan	Thuốc tiêm	40mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 5	Chai/Lọ/Ống
65	10	L01XX19.02.BD	Irinotecan	Thuốc tiêm	100mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Biệt dược	Chai/Lọ/Ống
66	10	L01XX19.02.N1	Irinotecan	Thuốc tiêm	100mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 1	Chai/Lọ/Ống
67	10	L01XX19.02.N2	Irinotecan	Thuốc tiêm	100mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 2	Chai/Lọ/Ống
68	10	L01XX19.02.N3	Irinotecan	Thuốc tiêm	100mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 3	Chai/Lọ/Ống
69	10	L01XX19.02.N5	Irinotecan	Thuốc tiêm	100mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 5	Chai/Lọ/Ống
70	11	L02BG04.01.BD	Letrozol	Viên	2,5mg	Uống	Biệt dược	Viên
71	11	L02BG04.01.N1	Letrozol	Viên	2,5mg	Uống	Nhóm 1	Viên
72	11	L02BG04.01.N2	Letrozol	Viên	2,5mg	Uống	Nhóm 2	Viên
73	11	L02BG04.01.N3	Letrozol	Viên	2,5mg	Uống	Nhóm 3	Viên
74	12	L04AA06.01.N1	Mycophenolat	Viên	180mg	Uống	Nhóm 1	Viên
75	12	L04AA06.02.BD	Mycophenolat	Viên	250mg	Uống	Biệt dược	Viên
76	12	L04AA06.02.N1	Mycophenolat	Viên	250mg	Uống	Nhóm 1	Viên
77	12	L04AA06.02.N2	Mycophenolat	Viên	250mg	Uống	Nhóm 2	Viên
78	12	L04AA06.02.N3	Mycophenolat	Viên	250mg	Uống	Nhóm 3	Viên
79	12	L04AA06.02.N5	Mycophenolat	Viên	250mg	Uống	Nhóm 5	Viên
80	12	L04AA06.03.BD	Mycophenolat	Viên	500mg	Uống	Biệt dược	Viên
81	12	L04AA06.03.N1	Mycophenolat	Viên	500mg	Uống	Nhóm 1	Viên
82	12	L04AA06.03.N2	Mycophenolat	Viên	500mg	Uống	Nhóm 2	Viên
83	12	L04AA06.03.N3	Mycophenolat	Viên	500mg	Uống	Nhóm 3	Viên
84	12	L04AA06.03.N5	Mycophenolat	Viên	500mg	Uống	Nhóm 5	Viên
85	12	L04AA06.04.N1	Mycophenolat	Viên	360mg	Uống	Nhóm 1	Viên
86	13	L03AA13.01.BD	Pegfilgrastim	Thuốc tiêm	6mg	Tiêm	Biệt dược	Chai/Lọ/Ống
87	13	L03AA13.01.N1	Pegfilgrastim	Thuốc tiêm	6mg	Tiêm	Nhóm 1	Chai/Lọ/Ống
88	13	L03AA13.01.N2	Pegfilgrastim	Thuốc tiêm	6mg	Tiêm	Nhóm 2	Chai/Lọ/Ống
89	13	L03AA13.01.N3	Pegfilgrastim	Thuốc tiêm	6mg	Tiêm	Nhóm 3	Chai/Lọ/Ống
90	14	L01BA04.01.BD	Pemetrexed	Thuốc tiêm	100mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Biệt dược	Chai/Lọ/Ống
91	14	L01BA04.01.N2	Pemetrexed	Thuốc tiêm	100mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 2	Chai/Lọ/Ống
92	14	L01BA04.01.N5	Pemetrexed	Thuốc tiêm	100mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 5	Chai/Lọ/Ống
93	14	L01BA04.02.BD	Pemetrexed	Thuốc tiêm	500mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Biệt dược	Chai/Lọ/Ống
94	14	L01BA04.02.N2	Pemetrexed	Thuốc tiêm	500mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 2	Chai/Lọ/Ống
95	14	L01BA04.02.N5	Pemetrexed	Thuốc tiêm	500mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 5	Chai/Lọ/Ống
96	15	L01XC02.01.BD	Rituximab	Thuốc tiêm	100mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Biệt dược	Chai/Lọ/Ống
97	15	L01XC02.01.N2	Rituximab	Thuốc tiêm	100mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 2	Chai/Lọ/Ống
98	15	L01XC02.01.N3	Rituximab	Thuốc tiêm	100mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 3	Chai/Lọ/Ống
99	15	L01XC02.01.N5	Rituximab	Thuốc tiêm	100mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 5	Chai/Lọ/Ống

100	15	L01XC02.02.N2	Rituximab	Thuốc tiêm	500mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 2	Chai/Lọ/Ống
101	15	L01XC02.02.N3	Rituximab	Thuốc tiêm	500mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 3	Chai/Lọ/Ống
102	15	L01XC02.02.N5	Rituximab	Thuốc tiêm	500mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 5	Chai/Lọ/Ống
103	16	L04AD02.01.BD.01	Tacrolimus	Viên	0,5mg	Uống	Biệt dược	Viên
104	16	L04AD02.01.BD.02	Tacrolimus	Viên phóng thích kéo dài	0,5mg	Uống	Biệt dược	Viên
105	16	L04AD02.01.N2	Tacrolimus	Viên	0,5mg	Uống	Nhóm 2	Viên
106	16	L04AD02.01.N3	Tacrolimus	Viên	0,5mg	Uống	Nhóm 3	Viên
107	16	L04AD02.01.N5	Tacrolimus	Viên	0,5mg	Uống	Nhóm 5	Viên
108	16	L04AD02.02.BD.01	Tacrolimus	Viên	1mg	Uống	Biệt dược	Viên
109	16	L04AD02.02.BD.02	Tacrolimus	Viên phóng thích kéo dài	1mg	Uống	Biệt dược	Viên
110	16	L04AD02.02.N2	Tacrolimus	Viên	1mg	Uống	Nhóm 2	Viên
111	16	L04AD02.02.N3	Tacrolimus	Viên	1mg	Uống	Nhóm 3	Viên
112	16	L04AD02.02.N5	Tacrolimus	Viên	1mg	Uống	Nhóm 5	Viên
113	17	L01AX03.01.N3	Temozolomid	Viên	50mg	Uống	Nhóm 3	Viên
114	17	L01AX03.01.N5	Temozolomid	Viên	50mg	Uống	Nhóm 5	Viên
115	17	L01AX03.02.BD	Temozolomid	Viên	100mg	Uống	Biệt dược	Viên
116	17	L01AX03.02.N1	Temozolomid	Viên	100mg	Uống	Nhóm 1	Viên
117	17	L01AX03.02.N2	Temozolomid	Viên	100mg	Uống	Nhóm 2	Viên
118	17	L01AX03.02.N3	Temozolomid	Viên	100mg	Uống	Nhóm 3	Viên
119	18	L01XC03.01.BD	Trastuzumab	Thuốc tiêm	150mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Biệt dược	Chai/Lọ/Ống
120	18	L01XC03.01.N2	Trastuzumab	Thuốc tiêm	150mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 2	Chai/Lọ/Ống
121	18	L01XC03.01.N3	Trastuzumab	Thuốc tiêm	150mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 3	Chai/Lọ/Ống
122	18	L01XC03.01.N5	Trastuzumab	Thuốc tiêm	150mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 5	Chai/Lọ/Ống
123	18	L01XC03.02.BD	Trastuzumab	Thuốc tiêm	440mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Biệt dược	Chai/Lọ/Ống
124	18	L01XC03.02.N2	Trastuzumab	Thuốc tiêm	440mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 2	Chai/Lọ/Ống
125	18	L01XC03.02.N3	Trastuzumab	Thuốc tiêm	440mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 3	Chai/Lọ/Ống
126	18	L01XC03.02.N5	Trastuzumab	Thuốc tiêm	440mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 5	Chai/Lọ/Ống
127	19	L01CA04.01.BD	Vinorelbin	Thuốc tiêm	10mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Biệt dược	Chai/Lọ/Ống
128	19	L01CA04.01.N1	Vinorelbin	Thuốc tiêm	10mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 1	Chai/Lọ/Ống
129	19	L01CA04.01.N3	Vinorelbin	Thuốc tiêm	10mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 3	Chai/Lọ/Ống
130	19	L01CA04.02.BD	Vinorelbin	Thuốc tiêm	50mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Biệt dược	Chai/Lọ/Ống
131	19	L01CA04.02.N1	Vinorelbin	Thuốc tiêm	50mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 1	Chai/Lọ/Ống
132	19	L01CA04.03.BD	Vinorelbin	Viên	20mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Biệt dược	Viên
133	19	L01CA04.04.BD	Vinorelbin	Viên	30mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Biệt dược	Viên
134	20	B01AC04.01.BD	Clopidogrel	Viên	75mg	Uống	Biệt dược	Viên

135	20	B01AC04.01.N1	Clopidogrel	Viên	75mg	Uống	Nhóm 1	Viên
136	20	B01AC04.01.N2	Clopidogrel	Viên	75mg	Uống	Nhóm 2	Viên
137	20	B01AC04.01.N3	Clopidogrel	Viên	75mg	Uống	Nhóm 3	Viên
138	20	B01AC04.01.N4	Clopidogrel	Viên	75mg	Uống	Nhóm 4	Viên
139	20	B01AC04.02.BD	Clopidogrel	Viên	300mg	Uống	Biệt dược	Viên
140	20	B01AC04.02.N3	Clopidogrel	Viên	300mg	Uống	Nhóm 3	Viên
141	21	C01EB17.01.BD	Ivabradin	Viên	5mg	Uống	Biệt dược	Viên
142	21	C01EB17.01.N3	Ivabradin	Viên	5mg	Uống	Nhóm 3	Viên
143	21	C01EB17.02.BD	Ivabradin	Viên	7,5mg	Uống	Biệt dược	Viên
144	21	C01EB17.02.N3	Ivabradin	Viên	7,5mg	Uống	Nhóm 3	Viên
145	22	C07AB02.01.BD	Metoprolol	Viên phóng thích kéo dài	25mg	Uống	Biệt dược	Viên
146	22	C07AB02.01.N1.01	Metoprolol	Viên phóng thích kéo dài	25mg	Uống	Nhóm 1	Viên
147	22	C07AB02.01.N1.02	Metoprolol	Viên	25mg	Uống	Nhóm 1	Viên
148	22	C07AB02.01.N3	Metoprolol	Viên phóng thích kéo dài	25mg	Uống	Nhóm 3	Viên
149	22	C07AB02.02.BD	Metoprolol	Viên phóng thích kéo dài	50mg	Uống	Biệt dược	Viên
150	22	C07AB02.02.N1.01	Metoprolol	Viên phóng thích kéo dài	50mg	Uống	Nhóm 1	Viên
151	22	C07AB02.02.N1.02	Metoprolol	Viên	50mg	Uống	Nhóm 1	Viên
152	22	C07AB02.02.N2	Metoprolol	Viên	50mg	Uống	Nhóm 2	Viên
153	22	C07AB02.02.N4	Metoprolol	Viên phóng thích kéo dài	50mg	Uống	Nhóm 4	Viên
154	23	C07AB12.01.BD	Nebivolol	Viên	5mg	Uống	Biệt dược	Viên
155	23	C07AB12.01.N2	Nebivolol	Viên	5mg	Uống	Nhóm 2	Viên
156	23	C07AB12.01.N3	Nebivolol	Viên	5mg	Uống	Nhóm 3	Viên
157	23	C07AB12.01.N5	Nebivolol	Viên	5mg	Uống	Nhóm 5	Viên
158	24	C10AA07.01.BD	Rosuvastatin	Viên	5mg	Uống	Biệt dược	Viên
159	24	C10AA07.01.N1	Rosuvastatin	Viên	5mg	Uống	Nhóm 1	Viên
160	24	C10AA07.01.N2	Rosuvastatin	Viên	5mg	Uống	Nhóm 2	Viên
161	24	C10AA07.01.N3	Rosuvastatin	Viên	5mg	Uống	Nhóm 3	Viên
162	24	C10AA07.01.N4	Rosuvastatin	Viên	5mg	Uống	Nhóm 4	Viên
163	24	C10AA07.01.N5	Rosuvastatin	Viên	5mg	Uống	Nhóm 5	Viên
164	24	C10AA07.02.BD	Rosuvastatin	Viên	10mg	Uống	Biệt dược	Viên
165	24	C10AA07.02.N1	Rosuvastatin	Viên	10mg	Uống	Nhóm 1	Viên
166	24	C10AA07.02.N2	Rosuvastatin	Viên	10mg	Uống	Nhóm 2	Viên
167	24	C10AA07.02.N3	Rosuvastatin	Viên	10mg	Uống	Nhóm 3	Viên
168	24	C10AA07.02.N4	Rosuvastatin	Viên	10mg	Uống	Nhóm 4	Viên
169	24	C10AA07.03.BD	Rosuvastatin	Viên	20mg	Uống	Biệt dược	Viên
170	24	C10AA07.03.N1	Rosuvastatin	Viên	20mg	Uống	Nhóm 1	Viên
171	24	C10AA07.03.N2	Rosuvastatin	Viên	20mg	Uống	Nhóm 2	Viên
172	24	C10AA07.03.N3	Rosuvastatin	Viên	20mg	Uống	Nhóm 3	Viên
173	24	C10AA07.03.N4	Rosuvastatin	Viên	20mg	Uống	Nhóm 4	Viên
174	24	C10AA07.03.N5	Rosuvastatin	Viên	20mg	Uống	Nhóm 5	Viên
175	25	C09CA07.01.N2	Telmisartan	Viên	20mg	Uống	Nhóm 2	Viên

176	25	C09CA07.01.N3	Telmisartan	Viên	20mg	Uống	Nhóm 3	Viên
177	25	C09CA07.01.N5	Telmisartan	Viên	20mg	Uống	Nhóm 5	Viên
178	25	C09CA07.02.BD	Telmisartan	Viên	40mg	Uống	Biệt dược	Viên
179	25	C09CA07.02.N1	Telmisartan	Viên	40mg	Uống	Nhóm 1	Viên
180	25	C09CA07.02.N2	Telmisartan	Viên	40mg	Uống	Nhóm 2	Viên
181	25	C09CA07.02.N3	Telmisartan	Viên	40mg	Uống	Nhóm 3	Viên
182	25	C09CA07.02.N4	Telmisartan	Viên	40mg	Uống	Nhóm 4	Viên
183	25	C09CA07.02.N5	Telmisartan	Viên	40mg	Uống	Nhóm 5	Viên
184	25	C09CA07.03.BD	Telmisartan	Viên	80mg	Uống	Biệt dược	Viên
185	25	C09CA07.03.N1	Telmisartan	Viên	80mg	Uống	Nhóm 1	Viên
186	25	C09CA07.03.N2	Telmisartan	Viên	80mg	Uống	Nhóm 2	Viên
187	25	C09CA07.03.N3	Telmisartan	Viên	80mg	Uống	Nhóm 3	Viên
188	25	C09CA07.03.N5	Telmisartan	Viên	80mg	Uống	Nhóm 5	Viên

PHỤ LỤC 3

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG HỆ THỐNG DỰ TRÙ THUỐC

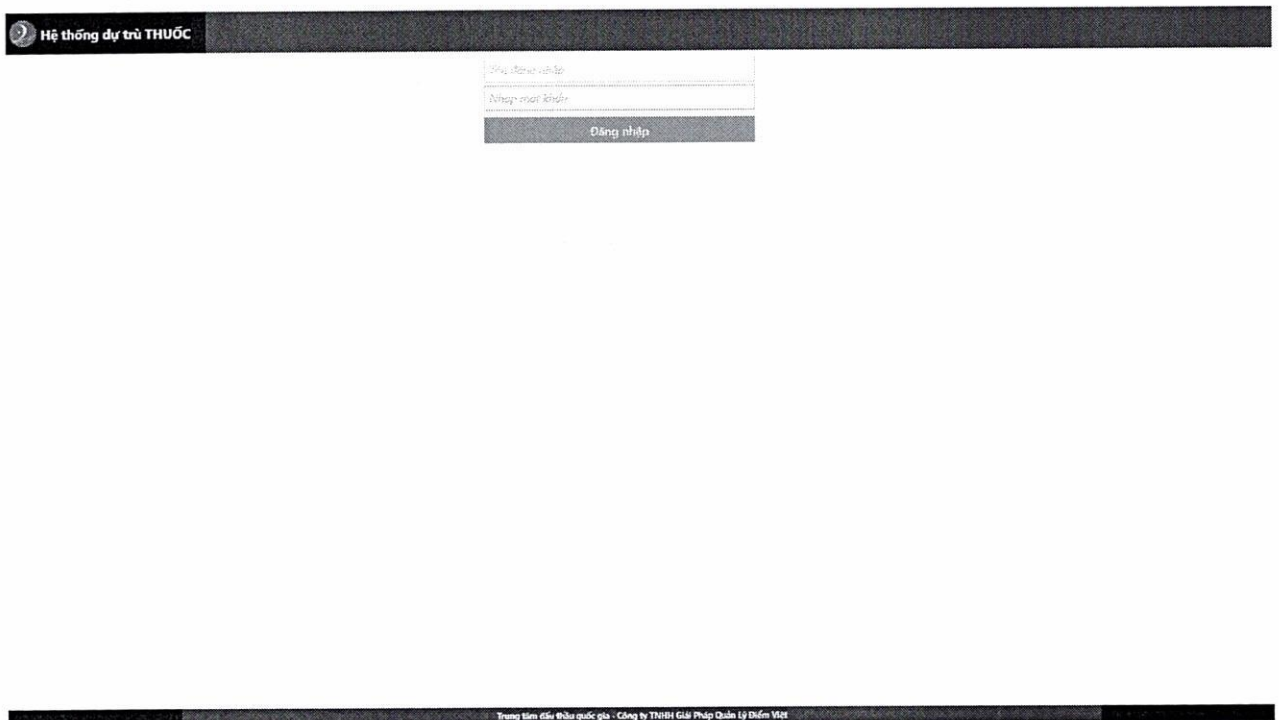
RUN
MUA
• TRU
QUỐC

PHẦN I: HƯỚNG DẪN VÀO HỆ THỐNG

I. Đăng nhập

Để sử dụng phần mềm các anh/chị làm theo bước sau đây:

- Vào trình duyệt web (IE, firefox, chrome) theo địa chỉ <http://ttdtqg.vietpoint.vn>
- Giao diện đăng nhập vào chương trình hiển thị như sau



- **Tên truy cập:** Là tên được hệ thống cung cấp và gửi đến các anh/chị theo file đính kèm. Đối với các cơ sở y tế trực thuộc Sở/cơ sở y tế Bộ/Ngành, Sở Y tế trên địa bàn sẽ cấp tên truy cập cho từng đơn vị.

Lưu ý: các cơ sở y tế trực thuộc Sở/cơ sở y tế Bộ/Ngành chủ động liên hệ với Sở Y tế trên địa bàn để sớm được cấp tên truy cập.

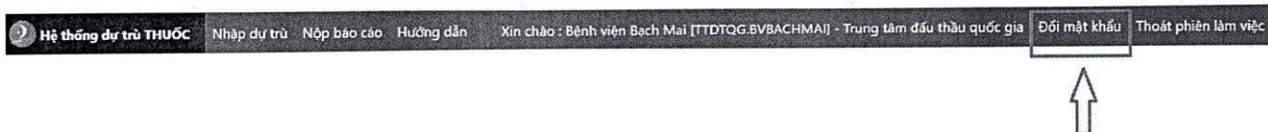
- **Mật khẩu:** Truy cập lần đầu, hệ thống không yêu cầu mật khẩu.

II. Đổi mật khẩu

- Ngay sau khi đăng nhập, các đơn vị lưu ý đổi mật khẩu để đảm bảo an toàn dữ

liệu thông tin.

- Chọn menu “Đổi mật khẩu” phía góc trên bên phải của hệ thống



- Anh/Chị hãy gõ mật khẩu đang sử dụng vào ô “**Mật khẩu cũ**”. Đối với lần đổi mật khẩu đầu tiên ô “**Mật khẩu cũ**” để trống.
- Gõ mật khẩu mới vào ô “**Mật khẩu mới**”, bạn hãy gõ lại chính xác mật khẩu này vào ô “**Nhập lại mật khẩu**” để chắc chắn rằng bạn đã gõ đúng mật khẩu.
- Chọn “**Đổi mật khẩu**” để hoàn tất. Từ lần đăng nhập sau bạn hãy sử dụng mật khẩu mới này để đăng nhập chương trình.

III. Đóng, mở chương trình

Khi hệ thống đang chạy trên web cũng tương đương với các Anh/Chị đang truy cập vào 1 trang web.

- Để Đóng và thoát khỏi chương trình chỉ cần tắt bỏ trình duyệt mình đang sử dụng
- Hoặc chọn “**Thoát phiên làm việc**” để đăng xuất khỏi hệ thống.

PHẦN II: TÍNH NĂNG CỦA HỆ THỐNG

I. Mô hình phân cấp của hệ thống

Đơn vị tổng hợp

- Tổng hợp báo cáo của các Sở Y tế, các Bệnh viện/Viện có giường bệnh thuộc Bộ Y tế
- Tổng hợp báo cáo của các cơ sở y tế trên địa bàn
- Nộp báo cáo tổng hợp về Trung tâm MSTTTQG

Trung tâm Mua sắm tập
trung thuốc Quốc gia

Sở Y tế các tỉnh/thành
phố

Đơn vị dự trữ

- Xây dựng dự trữ thuốc của đơn vị
- Nộp báo cáo về Trung tâm MSTTTQG
- Xây dựng dự trữ thuốc của đơn vị
- Nộp báo cáo về Sở Y tế trên địa bàn

Bệnh viện/Viện có
giường bệnh thuộc Bộ
Y tế

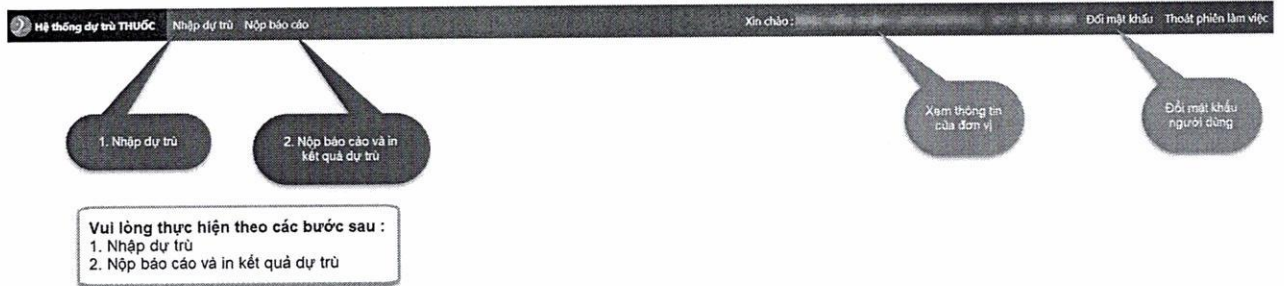
Cơ sở y tế trên địa bàn
tỉnh

II. Mô tả tính năng theo phân cấp của hệ thống

STT	Tính năng	Đơn vị dự trữ - Cơ sở y tế	Đơn vị tổng hợp - Sở Y tế
1	Nhập dự trữ	√	
2	Nộp báo cáo	√	√
3	Xem tình trạng dự trữ		√
4	Duyệt báo cáo		√
5	In báo cáo	√	√
6	Quản lý đơn vị		√
7	Quản lý tài khoản		√

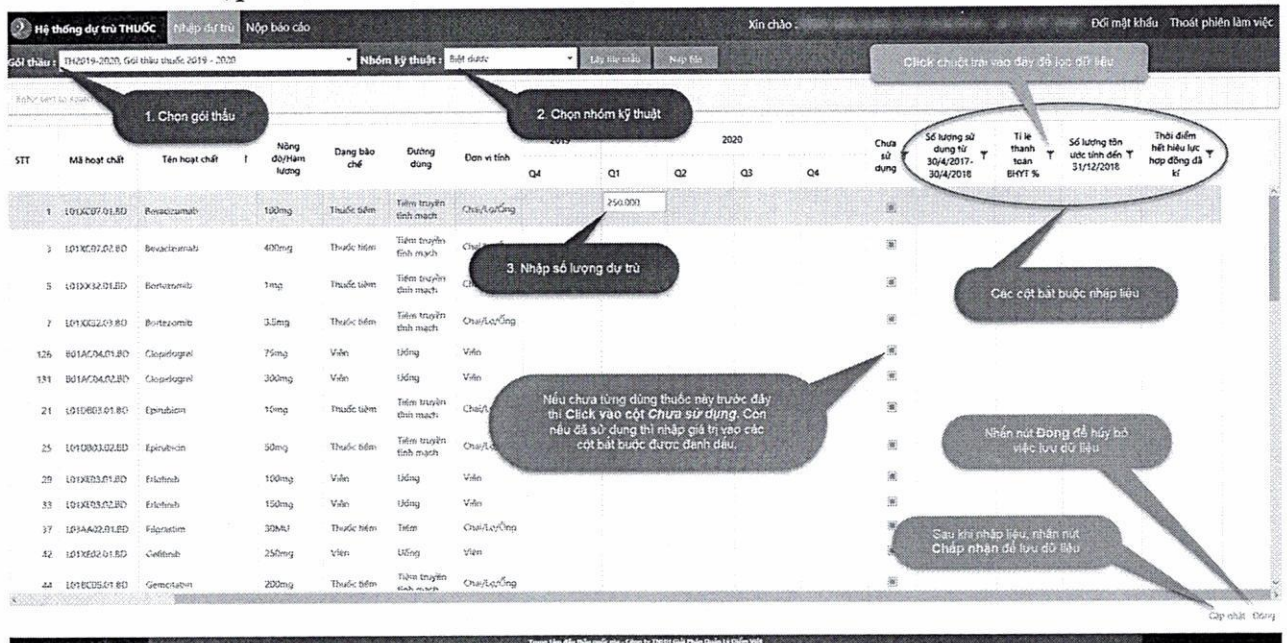
PHẦN III: HƯỚNG DẪN CHI TIẾT ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ DỰ TRÙ

I. Giao diện chung



II. Nhập dự trữ

- Bước 1: Chọn gói thầu
- Bước 2: Chọn nhóm kỹ thuật
- Bước 3: Nhập số lượng dự trữ đối với các thuốc đề xuất nhu cầu
- Bước 4: Cập nhật dữ liệu để lưu thông tin



III. Nộp báo cáo

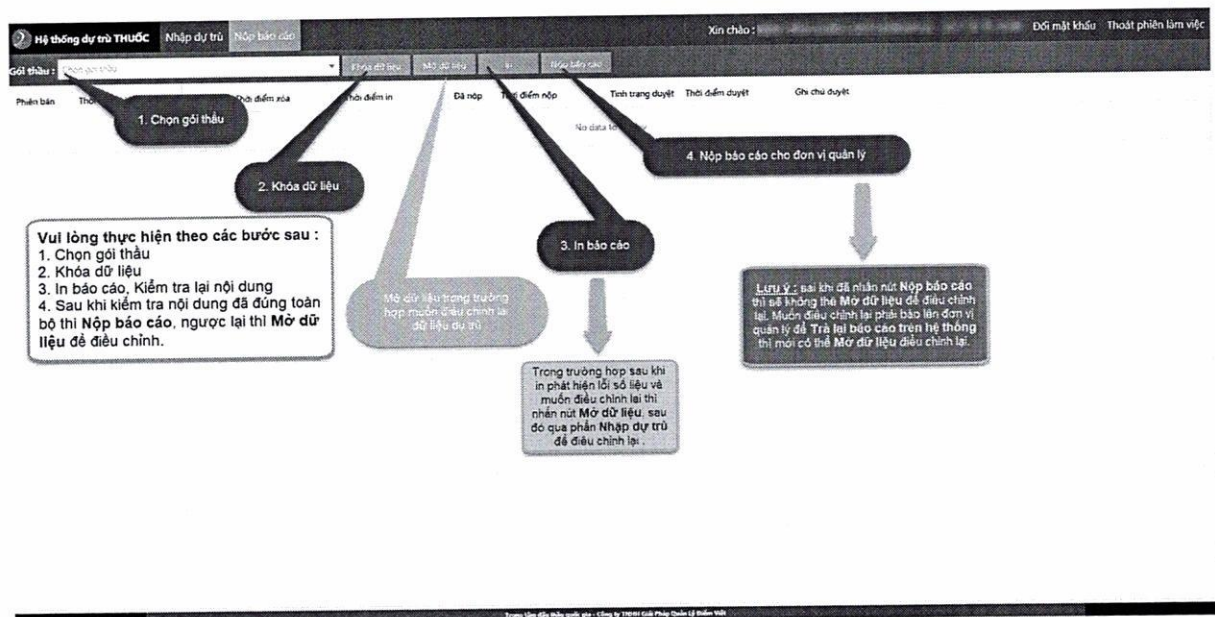
- Bước 1: Chọn gói thầu
- Bước 2: Khóa dữ liệu
- Bước 3: In báo cáo, Kiểm tra tính chính xác của dữ liệu đã nhập
- Bước 4: Trường hợp dữ liệu đã chính xác: **Nộp báo cáo**

Trường hợp dữ liệu chưa chính xác: **Mở dữ liệu** để điều chỉnh

- Bước 5: In báo cáo, kí, đóng dấu và gửi đơn vị tổng hợp.

Lưu ý: Sau khi đã nhấn nút **Nộp báo cáo** thì sẽ không thể **Mở dữ liệu** để điều chỉnh lại. Muốn điều chỉnh lại phải báo cho đơn vị tổng hợp theo phân cấp của hệ thống để **Trả lại báo cáo**.

- Đối với báo cáo bị trả lại, cơ sở y tế xem xét và làm lại từ mục II chương III.

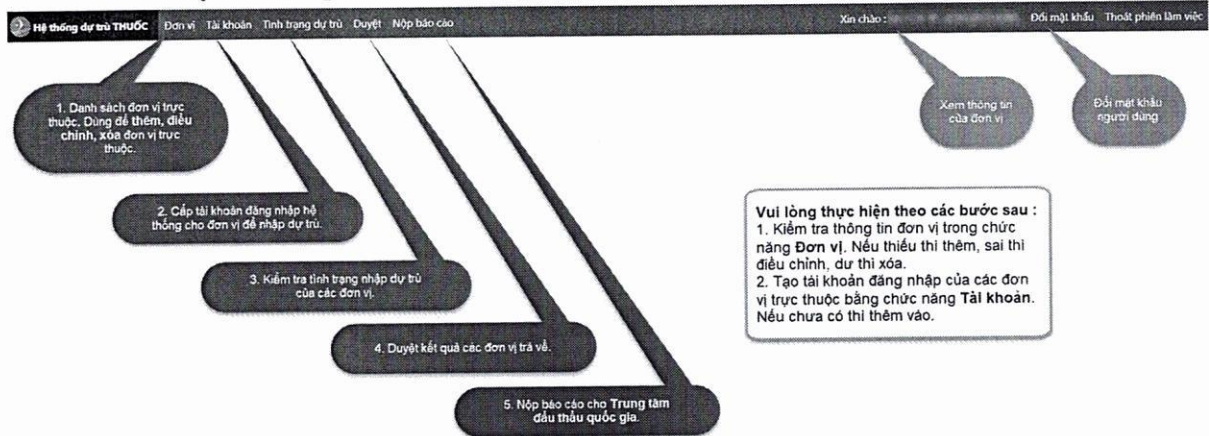


IV. In báo cáo

- Bước 1: Tại giao diện chung, chọn **Nộp báo cáo**
- Bước 2: Chọn gói thầu
- Bước 3: Chọn dữ liệu đã nhập
- Bước 4: Chọn **In**
- Bước 5: Kí và đóng dấu theo quy định.

PHẦN IV: HƯỚNG DẪN CHI TIẾT ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ TỔNG HỢP

I. Giao diện chung



II. Quản lý đơn vị

Sở Y tế có thể **thêm, sửa, xóa** đối với danh sách các đơn vị trên địa bàn.

Hệ thống đã có sẵn danh sách các cơ sở y tế trên địa bàn, Tuy nhiên, để cập nhật thông tin chính xác và đầy đủ, các Sở Y tế tiến hành các bước như sau:

- Bước 1: Chọn **Thêm** để vào nội dung thêm đơn vị
- Bước 2: Nhập tên đơn vị (bắt buộc phải nhập)
- Bước 3: Nhập tỉnh
- Bước 4: Nhập các thông tin khác (nếu có)
- Bước 5: Chọn **Cập nhật** để lưu thông tin

The screenshot shows the 'Đơn vị' management interface. At the top, there's a menu bar with: **Hệ thống dự trữ THUỐC**, Đơn vị, Tài khoản, Tình trạng dự trữ, Duyệt, Nộp báo cáo, Xin chào, Đổi mật khẩu, and Thoát phiên làm việc.

Below the menu bar, there are buttons: **Xuất ra Excel**, **Xuất danh mục đơn vị ra Excel**, **Tìm kiếm đơn vị**, **Click chuột trái vào đây để lọc dữ liệu theo Tỉnh**, and **Click chuột trái vào đây để lọc dữ liệu theo Loại đơn vị**.

The main area displays a table of units with columns: Mã đơn vị, Tên đơn vị, Điện thoại, Địa chỉ, Tỉnh, Loại đơn vị, and Tên đăng nhập. The table is filtered by 'Cấp 2' and shows a list of units.

Annotations on the screenshot include:

- Điều chỉnh thông tin đơn vị hiện tại** (Adjust current unit information).
- Thêm đơn vị trực thuộc** (Add subordinate unit).
- Xóa đơn vị hiện tại** (Delete current unit).
- Cách thêm đơn vị:**
 1. Nhấn nút **Thêm** để vào nội dung thêm đơn vị.
 2. Nhập tên đơn vị (Bắt buộc).
 3. Nhập tỉnh.
 4. Nhập các thông tin khác.
 5. Nhấn nút **Cập nhật** để lưu thông tin.
- Đồng ý lưu dữ liệu** (Agree to save data).
- Cập nhật** (Update).
- Đồng** (Agree).
- Bỏ qua không lưu dữ liệu** (Skip and do not save data).

III. Quản lý tài khoản

Theo thiết lập ban đầu, Sở Y tế bắt buộc phải **thêm** tài khoản cho các cơ sở y tế có nhu cầu sử dụng thuốc trên địa bàn, các bước tiến hành như sau:

- Bước 1: Chọn **Thêm** để vào nội dung thêm tài khoản
- Bước 2: Nhập tên đăng nhập của đơn vị - SYT tự cấp (bắt buộc phải nhập)
- Bước 3: Nhập tên đầy đủ (Bắt buộc)
- Bước 4: Chọn đơn vị quản lý (Bắt buộc)

Trường hợp chưa có đơn vị quản lý, SYT bắt buộc phải thêm đơn vị theo hướng dẫn tại mục II chương IV.

- Bước 5: Chọn **Cập nhật** để lưu thông tin

Sau khi đã **thêm** các tài khoản cần thiết, Sở Y tế phải gửi tài khoản cho các cơ sở y tế để các đơn vị bắt đầu sử dụng hệ thống. Hệ thống cung cấp tính năng xuất ra file excel nhằm hỗ trợ Sở Y tế trong việc thông báo tài khoản đến các cơ sở y tế.

Lưu ý: tên đăng nhập của các cơ sở y tế là tên đăng nhập đầy đủ được hệ thống cấp tự động.

IV. Duyệt dự trữ

Các cơ sở y tế trên địa bàn sau khi hoàn thành việc xây dựng dự trữ sẽ nộp báo cáo về Sở Y tế để thẩm định và tổng hợp báo cáo Trung tâm MSTTTQG.

Các Sở Y tế tiến hành thẩm định và đồng thuận với đề xuất của đơn vị hoặc yêu cầu đơn vị rà soát lại tại bước này, cụ thể như sau:

- Bước 1: Tại giao diện chung, chọn **Duyệt**
- Bước 2: Chọn gói thầu
- Bước 3: Chọn đơn vị nộp

Lưu ý so sánh phiên bản trên hệ thống và bản in, kí, đóng dấu

phải khớp nhau.

- Bước 4: Thẩm định đề xuất, nếu đồng ý chọn **Đồng ý**, ngược lại chọn **Từ chối** để trả dự trù lại cho đơn vị làm lại.

1. Chọn gói thầu

2. So sánh Số phiên bản trong hệ thống và bản in của đơn vị nộp lần. Nếu khớp thì nội dung lưu trong hệ thống và bản in là giống nhau, ngược lại thì dùng chức năng Xem để kiểm tra chi tiết giữa bản giấy và dữ liệu trên hệ thống. Nếu đồng ý với nội dung dự trù của đơn vị thì nhấn nút Đồng ý để nạp dữ liệu vào kết quả tổng hợp, ngược lại thì nhấn nút Từ chối để trả về cho đơn vị làm lại.

Sau khi kiểm tra dữ liệu dự trù, nhấn nút Từ chối để trả về cho đơn vị làm lại.

Sau khi kiểm tra dữ liệu dự trù, nhấn nút Đồng ý để nạp dữ liệu vào kết quả tổng hợp.

Xem dữ liệu đang lưu trên hệ thống

V. Tình trạng dự trù

Đây là tính năng hỗ trợ đơn vị tổng hợp có thể theo dõi, quản lý được tiến độ xây dựng dự trù của các cơ sở y tế trên địa bàn. Hệ thống sẽ cập nhật tiến độ của các đơn vị theo số lần đơn vị cập nhật cho đến khi nộp báo cáo để Sở Y tế tiến hành thẩm định và duyệt báo cáo.

1. Chọn gói thầu

2. Nhấn nút Xem để thấy chi tiết dự trù của đơn vị (Có thể chưa phải là số liệu chính thức cho tới khi đơn vị thực hiện Nộp báo cáo)

Nếu đơn vị để Nộp báo cáo, số liệu phiên bản sẽ hiện ở đây

VI. Nộp báo cáo

Sau khi thẩm định và duyệt báo cáo của các đơn vị dự trù, Sở Y tế tiến hành nộp báo cáo tổng hợp về Trung tâm MSTTTQG bằng chức năng **Nộp báo cáo**.

Hệ thống sẽ tự động tổng hợp các báo cáo của từng cơ sở y tế trên địa bàn thành báo cáo tổng hợp của toàn tỉnh kèm theo chi tiết của từng cơ sở y tế. Song

song với việc **Nộp báo cáo**, Sở Y tế in báo cáo bằng chức năng **In** của hệ thống và kí, đóng dấu theo quy định trước khi gửi về Trung tâm MSTTTQG.

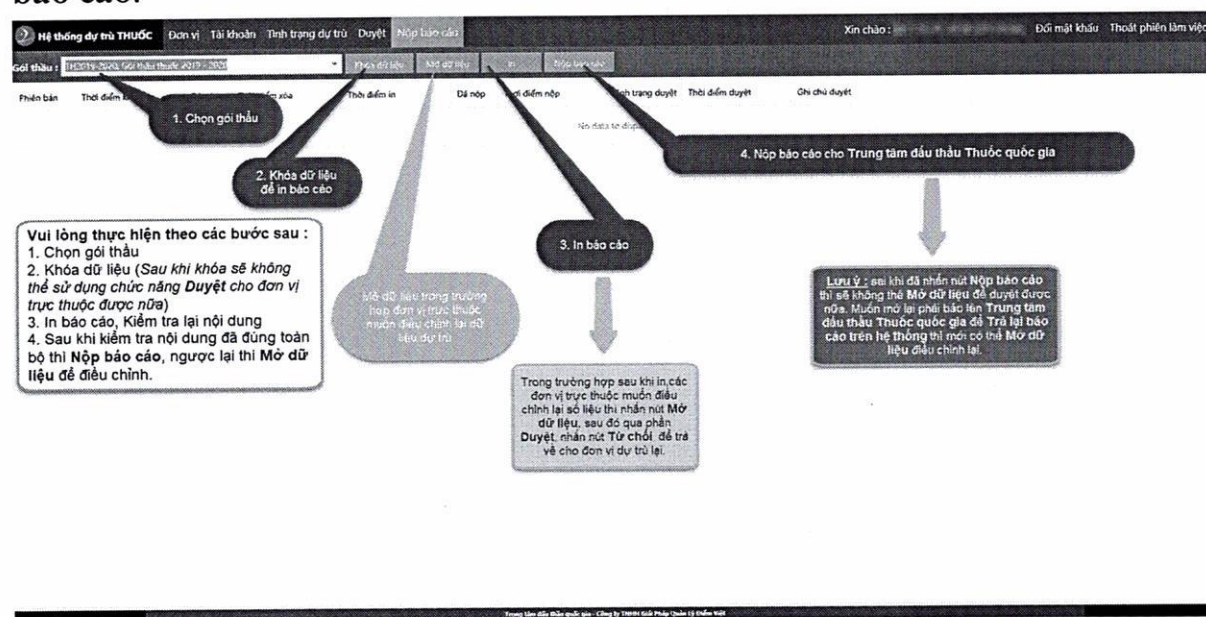
Các bước tiến hành như sau:

- Bước 1: Chọn gói thầu
- Bước 2: Khóa dữ liệu
- Bước 3: In báo cáo theo biểu 02 và 03, Kiểm tra tính chính xác của dữ liệu
- Bước 4: Trường hợp dữ liệu đã chính xác: **Nộp báo cáo**

Trường hợp dữ liệu chưa chính xác: **Mở dữ liệu** để điều chỉnh

- Bước 5: In báo cáo, kí, đóng dấu và gửi Trung tâm MSTTTQG.

Lưu ý: Sau khi đã nhấn nút **Nộp báo cáo** thì sẽ không thể **Mở dữ liệu** để điều chỉnh lại. Muốn điều chỉnh lại phải báo cho Trung tâm MSTTTQG để **Trả lại báo cáo**.



**TÀI KHOẢN TRUY CẬP HỆ THỐNG DỰ TRÙ THUỐC MUA SẮM TẬP TRUNG
QUỐC GIA**

SỞ Y TẾ TỈNH/THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

STT	Tên đơn vị	Tên đăng nhập
1	Sở Y Tế An Giang	SYT.ANGIANG
2	Sở Y Tế Bà Rịa Vũng Tàu	SYT.BRVT
3	Sở Y Tế Bắc Giang	SYT.BACGIANG
4	Sở Y Tế Bắc Kạn	SYT.BACKAN
5	Sở Y Tế Bạc Liêu	SYT.BACLIEU
6	Sở Y Tế Bắc Ninh	SYT.BACNINH
7	Sở Y Tế Bến Tre	SYT.BENTRE
8	Sở Y Tế Bình Định	SYT.BINH DINH
9	Sở Y Tế Bình Dương	SYT.BINH DUONG
10	Sở Y Tế Bình Phước	SYT.BINH PHUOC
11	Sở Y Tế Bình Thuận	SYT.BINH THUAN
12	Sở Y Tế Cà Mau	SYT.CAMAU
13	Sở Y Tế Cần Thơ	SYT.CANTHO
14	Sở Y Tế Cao Bằng	SYT.CAO BANG
15	Sở Y Tế Đà Nẵng	SYT.DANANG
16	Sở Y Tế Đắk Lắk	SYT.DAKLAK
17	Sở Y Tế Đắk Nông	SYT.DAKNONG
18	Sở Y Tế Điện Biên	SYT.DIENBIEN
19	Sở Y Tế Đồng Nai	SYT.DONGNAI
20	Sở Y Tế Đồng Tháp	SYT.DONGTHAP
21	Sở Y Tế Gia Lai	SYT.GIALAI
22	Sở Y Tế Hà Giang	SYT.HAGIANG
23	Sở Y Tế Hà Nam	SYT.HANAM
24	Sở Y Tế Hà Nội	SYT.HANOI
25	Sở Y Tế Hà Tĩnh	SYT.HATINH
26	Sở Y Tế Hải Dương	SYT.HAIDUONG
27	Sở Y Tế Hải Phòng	SYT.HAIPHONG
28	Sở Y Tế Hậu Giang	SYT.HAUGIANG
29	Sở Y Tế Hòa Bình	SYT.HOABINH
30	Sở Y Tế Hưng Yên	SYT.HUNGYEN
31	Sở Y Tế Khánh Hòa	SYT.KHANH HOA
32	Sở Y Tế Kiên Giang	SYT.KIENGIANG

STT	Tên đơn vị	Tên đăng nhập
33	Sở Y Tế Kon Tum	SYT.KONTUM
34	Sở Y Tế Lai Châu	SYT.LAICHAU
35	Sở Y Tế Lâm Đồng	SYT.LAMDONG
36	Sở Y Tế Lạng Sơn	SYT.LANGSON
37	Sở Y Tế Lào Cai	SYT.LAOCAI
38	Sở Y Tế Long An	SYT.LONGAN
39	Sở Y Tế Nam Định	SYT.NAMDINH
40	Sở Y Tế Nghệ An	SYT.NGHEAN
41	Sở Y Tế Ninh Bình	SYT.NINHBINH
42	Sở Y Tế Ninh Thuận	SYT.NINHTHUAN
43	Sở Y Tế Phú Thọ	SYT.PHUTHO
44	Sở Y Tế Phú Yên	SYT.PHUYEN
45	Sở Y Tế Quảng Bình	SYT.QUANGBINH
46	Sở Y Tế Quảng Nam	SYT.QUANGNAM
47	Sở Y Tế Quảng Ngãi	SYT.QUANGNGAI
48	Sở Y Tế Quảng Ninh	SYT.QUANGNINH
49	Sở Y Tế Quảng Trị	SYT.QUANGTRI
50	Sở Y Tế Sóc Trăng	SYT.SOCTRANG
51	Sở Y Tế Sơn La	SYT.SONLA
52	Sở Y Tế Tây Ninh	SYT.TAYNINH
53	Sở Y Tế Thái Bình	SYT.THAIBINH
54	Sở Y Tế Thái Nguyên	SYT.THAINGUYEN
55	Sở Y Tế Thanh Hóa	SYT.THANHHOA
56	Sở Y Tế Thừa Thiên Huế	SYT.HUE
57	Sở Y Tế Tiền Giang	SYT.TIENGIANG
58	Sở Y Tế TP. HCM	SYT.HCM
59	Sở Y Tế Trà Vinh	SYT.TRAVINH
60	Sở Y Tế Tuyên Quang	SYT.TUYENQUANG
61	Sở Y Tế Vĩnh Long	SYT.VINHLONG
62	Sở Y Tế Vĩnh Phúc	SYT.VINHPHUC
63	Sở Y Tế Yên Bái	SYT.YENBAI

**TÀI KHOẢN TRUY CẬP HỆ THỐNG DỰ TRÙ THUỐC MUA SẴM TẬP TRUNG
BỆNH VIỆN/VIỆN CÓ GIƯỜNG BỆNH TRỰC THUỘC BỘ Y TẾ**

STT	Tên đơn vị	Tỉnh	Tên đăng nhập
1	Bệnh viện 71 Trung ương	Tỉnh Thanh Hoá	TTDTQG.BV71TW
2	Bệnh viện 74 trung ương	Tỉnh Vĩnh Phúc	TTDTQG.BV74TW
3	Bệnh viện Bạch Mai	Thành phố Hà Nội	TTDTQG.BVBACHMAI
4	Bệnh viện bệnh Nhiệt đới Trung ương	Thành phố Hà Nội	TTDTQG.BVNNTW
5	Bệnh viện C Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	TTDTQG.BVCDANANG
6	Bệnh viện Châm cứu Trung ương	Thành phố Hà Nội	TTDTQG.BVCHAMCUUTW
7	Bệnh viện Chợ Rẫy	Thành phố Hồ Chí Minh	TTDTQG.BVCHORAY
8	Bệnh viện đa khoa Trung ương Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam	TTDTQG.BVDKTWQUANGNAM
9	Bệnh viện đa khoa TW Cần Thơ	Thành phố Cần Thơ	TTDTQG.BVDKTWCANTHO
10	Bệnh viện đa khoa TW Thái Nguyên	Tỉnh Thái Nguyên	TTDTQG.BVDKTWTHAINGUYEN
11	Bệnh viện Da liễu TW	Thành phố Hà Nội	TTDTQG.BVDLTW
12	Bệnh viện đại học Y dược TP HCM	Thành phố Hồ Chí Minh	TTDTQG.BVDHYDHCM
13	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	Thành phố Hà Nội	TTDTQG.BVDHYHA
14	Bệnh viện Đại học y Hải Phòng	Thành phố Hải Phòng	TTDTQG.BVDHYHAIPHONG
15	Bệnh viện Đại học Y Thái Bình	Tỉnh Thái Bình	TTDTQG.BVDHYTHAIBINH
16	Bệnh viện Điều dưỡng phục hồi chức năng Trung ương	Tỉnh Thanh Hoá	TTDTQG.BVDDPHCNTW
17	Bệnh viện E	Thành phố Hà Nội	TTDTQG.BVE
18	Bệnh viện Hữu Nghị	Thành phố Hà Nội	TTDTQG.BVHUUNGI
19	Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức	Thành phố Hà Nội	TTDTQG.BVVIETDUC
20	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cuba Đồng Hới	Tỉnh Quảng Bình	TTDTQG.BVVNCBDONGHOI
21	Bệnh viện K	Thành phố Hà Nội	TTDTQG.BVK
22	Bệnh viện Lão khoa TW	Thành phố Hà Nội	TTDTQG.BVLKTW
23	Bệnh viện Mắt trung ương	Thành phố Hà Nội	TTDTQG.BVMATTW
24	Bệnh viện Nhi Trung ương	Thành phố Hà Nội	TTDTQG.BVNHTW

STT	Tên đơn vị	Tỉnh	Tên đăng nhập
25	Bệnh viện Nội tiết Trung Ương	Thành phố Hà Nội	TTDTQG.BVNOITIETTW
26	Bệnh viện Phổi Trung ương	Thành phố Hà Nội	TTDTQG.BVPHOITW
27	Bệnh viện Phong - Da liễu trung ương Quy Hòa	Tỉnh Bình Định	TTDTQG.BVPDLTWQUYHOA
28	Bệnh viện Phong - Da liễu Trung ương Quỳnh Lập	Tỉnh Nghệ An	TTDTQG.BVPDLTWQUYNHLAP
29	Bệnh viện Phụ sản TW	Thành phố Hà Nội	TTDTQG.BVPHUSANTW
30	Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội	Thành phố Hà Nội	TTDTQG.BVRHMTWHANOI
31	Bệnh viện Răng-Hàm-Mặt Trung ương TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh	TTDTQG.BVRHMTWHCM
32	Bệnh viện Tai Mũi Họng TW	Thành phố Hà Nội	TTDTQG.BVTMHTW
33	Bệnh Viện Tâm Thần Trung Ương 2	Tỉnh Đồng Nai	TTDTQG.BVTAMTHANTW2
34	Bệnh viện Tâm thần Trung ương I	Thành phố Hà Nội	TTDTQG.BVTAMTHANTWI
35	Bệnh viện Thống Nhất	Thành phố Hồ Chí Minh	TTDTQG.BVTHONGNHAT
36	Bệnh viện Trung ương Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế	TTDTQG.BVTWHUE
37	Bệnh viện Trường ĐH Y Dược Cần Thơ	Thành phố Cần Thơ	TTDTQG.BVTDHYDCANTHO
38	Bệnh viện Tuệ Tĩnh - Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam	Thành phố Hà Nội	TTDTQG.BVTUETINH
39	Bệnh viện Việt Nam Thụy Điển - Ung thư	Tỉnh Quảng Ninh	TTDTQG.BVVNTDUONGBI
40	Bệnh viện YHCT TW	Thành phố Hà Nội	TTDTQG.BVYHCTTW
41	Viện Huyết học và Truyền máu TW	Thành phố Hà Nội	TTDTQG.VHHVTMTW

